

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 33/BM/2020**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường  
Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355 Fax: 0243.7191466

Email: [banhkeobaominh@gmail.com](mailto:banhkeobaominh@gmail.com)

Mã số doanh nghiệp: 0101966872

Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh đã được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 : 2005.

Số đăng ký : HACCP/R84/0005.

Ngày đăng ký ISO 22000 ban đầu: 15/01/2013.

Ngày cấp phép: 15/01/2019. Ngày hết hạn: 15/01/2022

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: KẸO LẠC**

**2. Thành phần:** Đường kính, mạch nha, lạc nhân (65 %), vùng, nước sạch, hương liệu tổng hợp (hương vani).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 06 tháng kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì : Sản phẩm được bao gói bởi màng OPP/SCPP, khay nhựa PET, túi OPP/SCPP đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh : 50 g/gói, 60 g/gói, 70 g/gói, 80 g/gói, 90 g/gói, 100 g/gói, 110 g/gói, 120 g/gói, 130 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 160 g/ gói, 170 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 200 g/gói, 210 g/gói, 220 g/gói, 230 g/gói, 240 g/gói, 250 g/gói, 260 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 290 g/gói, 310 g/gói, 330 g/gói, 350 g/gói, 370 g/gói, 390 g/gói, 410 g/gói, 430 g/gói, 450 g/gói, 470 g/gói, 490 g/gói, 500 g/gói, 550 g/gói, 600 g/gói, 650 g/gói, 700 g/gói, 750 g/gói, 800 g/gói, 850 g/gói, 900 g/gói, 950 g/gói, 1 kg/gói.

Hoặc đóng gói theo yêu cầu của khách hàng.

**5. Sản xuất tại:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.



### III. Mẫu nhãn sản phẩm : Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

Sản phẩm của : **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ : Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

CHGTSP : 12 Hàng Than – Ba Đình – Hà Nội.

GPKD số : 0101966872.

Điện Thoại : 0243.7192355. Fax: 0243.7191466

ISO 22000 : 2005

Email : [banhkeobaominh@gmail.com](mailto:banhkeobaominh@gmail.com)

Website : [www.banhbaominh.com](http://www.banhbaominh.com)

**Sản xuất tại :**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ : Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

## KẸO LẠC

**Thành phần:** Đường kính, mạch nha, lạc nhân (65 %), vùng, nước sạch, hương liệu tổng hợp (hương vani).

**Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

- H/l gluxit  $\geq 30$  %
- H/l đường tổng số  $\geq 25$  %
- H/l ẩm  $\leq 5$  %

**Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh:** In trên bao bì.

**Thông tin, cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- \* Sản phẩm chín ăn liền.
- \* Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, tránh xa nguồn ô nhiễm và các hóa chất độc hại.

Sản xuất theo TCCS 33:2020/BM. Bản tự công bố số: 33/BM/2020

**Xuất xứ:** Việt Nam.

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

\* Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo :  
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP nghị định về nhãn hàng hóa.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm : QCVN 8-1:2011/BYT.

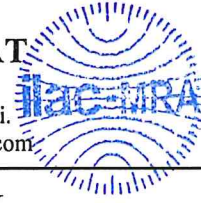
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm : QCVN 8-2:2011/BYT.

\* Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020  
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thị Linh*



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: 20.02.28.975

1. Tên mẫu/Name of sample : Kẹo lạc  
2. Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh  
Name/Address of customer : Lô B2 - 3 - 3A, khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.  
3. Mô tả mẫu/Sample description : /  
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample : 28/02/2020  
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel performing/sending sample(s) : Khách hàng tự gửi mẫu/By customer  
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities : 28/02/2020 - 04/03/2020  
7. Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Trạng thái cảm quan Sensory properties	KNVSATTP/91	/	Sản phẩm màu sắc tự nhiên, bề mặt khô ráo, mùi thơm, vị ngọt.	TCCS/ GMP
2	Axit/ Acidity	TCVN 4073:2009	Độ/Degree	0,92	TCCS/ GMP
3	Đường tổng số/ Total sugar *	TCVN 4074:2009	%	36,5	TCCS/ GMP
4	Protein/ Protein	TCVN 8125:2015	%	15,9	TCCS/ GMP
5	Lipit/ Lipid	TCVN 4072:2009	%	23,4	TCCS/ GMP
6	Gluxit/ Carbohydrate	TCVN 4594:1988	%	54,8	TCCS/GMP
7	Âm/Humidity	TCVN 4069:2009	%	1,45	TCCS/ GMP
8	Nhóm Sorbat/ Sorbate group (Acid sorbic, Natri sorbat, Kali sorbat, Calci sorbat)	HPLC/UV	mg/kg	Không phát hiện ( < 10,0)	24/2019/TT-BYT ≤ 1500
9	Aflatoxin tổng số Total Aflatoxin	TCVN 7596:2007	µg/kg	Không phát hiện ( < 1,0)	
10	Aflatoxin B <sub>1</sub>	TCVN 7596:2007	µg/kg	Không phát hiện ( < 0,5)	
11	Chì/ Lead (Pb)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện ( < 0,01)	
12	Cadimi/ Cadmium (Cd)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện ( < 0,01)	
13	Asen/ Arsenic (As)	FDA.EAM.4.4-2010	mg/kg	Không phát hiện ( < 0,025)	
14	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật/ Pesticide residue: Aldrin	TK.TCVN 8319:2010	mg/kg	Không phát hiện ( < 0,1)	50/2016/QĐ-BYT ≤ 0,02

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020/ Hanoi, March 04, 2020

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Trung

KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG  
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

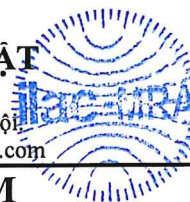
Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

KT. GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Kiều Anh

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No.: 20.02.28.975

1. Tên mẫu: Kẹo lạc  
*Name of sample*
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh  
*Name/Address of customer*  
Lô B2 - 3 - 3A, khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), phường Thụy  
Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description: Sản phẩm đóng túi, bao bì kín
4. Ngày nhận mẫu: 28/02/2020  
*Date of receiving sample*
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi  
*The personnel performing/sending sample(s)*  
*By customer*
6. Ngày thực hiện kiểm nghiệm: 28/02/2020 - 04/03/2020  
*The dates of testing activities*
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit 46/2007/QĐ-BYT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí * Total aerobic microorganisms	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	2,8x10 <sup>2</sup>	10 <sup>4</sup>
2	Coliforms *	TCVN 6848:2007	CFU/g	<10	10
3	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	<1	3
4	<i>Staphylococcus aureus</i> *	TCVN 4830-1:2005	CFU/g	<10	10
5	<i>Clostridium perfringens</i> *	TCVN 4991:2005	CFU/g	<10	10
6	<i>Bacillus cereus</i> giả định *	TCVN 4992:2005	CFU/g	<10	10
7	Tổng số nấm men và nấm mốc * Total yeasts and moulds	TCVN 8275-1:2010	CFU/g	<10 <sup>2</sup>	10 <sup>2</sup>

**Nhận xét:** Mẫu trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về phương diện vi sinh vật đối với ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng (theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT).  
*This sample complies with the standard on ready-to-eat cereal and cereal products in term of microbiology (according to 46/2007/QĐ-BYT)*

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2020/Hanoi, March 04, 2020

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐÒ CHỨC NĂNG  
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Kiều Anh

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- KPH: Không phát hiện/ Not detected
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội  
*The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/  
*Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).*
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
*This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : KẸO LẠC
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, 120g/ túi, NSX: 21/02/2024, HSD: 21/8/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 28/02/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 28/02/2024-07/03/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 07/03/2024

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm dạng thanh hình chữ nhật, màu hổ phách. Sản phẩm còn nguyên vẹn không bị biến dạng. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm; không có mùi, vị lạ. Không có tạp chất lạ nhìn bằng mắt thường	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
2	Trị số axit	mgKOH/g	< LOQ = 0,15	Ref. TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

Mã số/ Code: DV240228.12/01.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
3	Trị số Peroxyt	meq/Kg	KPH (LOD = 0,1)	Ref. TCVN 6121:2018	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
4	Ẩm*	%	1,59	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
5	Chất đạm (Protein)*	%	17,25	TCVN 8125:2015	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
6	Carbohydrate	%	57	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
7	Đường tổng số (Total Sugars)	%	36,53	TCVN 4074:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
8	Chất béo (Fat)*	%	22,69	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
9	Đường khử	%	13,21	TCVN 4075:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
10	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric 10 %	%	0,08	TCVN 4071:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
11	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 <sup>(2)</sup>
12	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 <sup>(2)</sup>
13	Ochratoxin A*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 <sup>(2)</sup>
14	Deoxynivalenol*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	750 <sup>(2)</sup>
15	Zearalenone*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	75 <sup>(2)</sup>
16	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,1 <sup>(3)</sup>
17	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(3)</sup>
18	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 <sup>(4)</sup>
19	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
20	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4(4)</sup>
21	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 <sup>2(4)</sup>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240228.12/01.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
22	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 <sup>(4)</sup>
23	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 <sup>(4)</sup>
24	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 <sup>(4)</sup>
25	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 <sup>(4)</sup>
26	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 <sup>(4)</sup>

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (3): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (4): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**TRẦN THỊ CÔNG SƠN**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

Mã số/ Code: DV240228.12/01.1

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : KẸO LẠC
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, 120g/ túi, NSX: 21/02/2024, HSD: 21/8/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 28/02/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 28/02/2024-07/03/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 07/03/2024

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	Kcal/100g	501,21	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (Protein)*	%	17,25	TCVN 8125:2015
3	Carbohydrate	%	57	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	36,53	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)*	%	22,69	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	5,44	AOAC 996.06

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240228.12/01.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Sodium)	mg/100g	36,64	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành / Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**THS. TRỊNH CÔNG SƠN**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	501.2	Kcal	25%
Chất đạm (Protein)	17.2	g	35%
<i>Carbohydrate</i>	57	g	18%
Đường tổng số (Total Sugars)	36.5	g	-
Chất béo (Fat)	22.6	g	41%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	5.4	g	27%
Natri (Sodium)	36.6	mg	2%

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV141610591/02

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH  
*Customer's Name*
2. Địa chỉ/ : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy  
*Address* Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ : Kẹo lạc  
*Name of Sample*
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong túi kín, 100g/túi, số lượng: 5 túi. NSX: 15/03/2025, HSD:  
*Sample Description* 15/09/2025
5. Ngày nhận mẫu/ : 19/03/2025  
*Date sample received*
6. Thời gian lưu mẫu/ : Lưu mẫu 15 ngày  
*Sample retention time* sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ : 19/03/2025-26/03/2025  
*Date of test*
8. Ngày trả kết quả/ : 26/03/2025  
*Date of issue*

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	kcal/100g	520,89	VNT.H.03.Fo.277
2	Chất đạm	g/100g	17,35	TCVN 10034:2013
3	Carbohydrate	g/100g	53,81	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số	g/100g	39,54	TCVN 4074: 2009
5	Chất béo *	g/100g	26,25	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà	g/100g	8,7	AOAC 996.06

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV141610591/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Na)	mg/100g	29,01	TCVN 10916:2015
8	Bảng Nutrition fact	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR

THS. TRINH CÔNG SƠN



04/1  
 VI  
 ỀM I  
 KIẾ  
 HẬT  
 VN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	520.8	Kcal	26%
Chất đạm (Protein)	17.3	g	35%
Carbohydrate	53.8	g	17%
Đường tổng số (Total Sugars)	39.5	g	-
Chất béo (Fat)	26.2	g	47%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	8.7	g	44%
Natri (Sodium)	29.0	mg	1%
* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.			

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV141610591/01

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Kẹo lạc
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín, 100g/túi, số lượng: 5 túi. NSX: 15/03/2025, HSD: 15/09/2025
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 19/03/2025
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 19/03/2025-26/03/2025
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 26/03/2025

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm dạng thanh hình chữ nhật, màu hổ phách. Sản phẩm còn nguyên vẹn không bị biến dạng. Mùi vị đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi vị lạ.	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
2	Trị số axit	mgKOH/g	0,14	VNT.H.03.Fo.70	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
3	Đường khử	g/100g	15,39	TCVN 4075: 2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
4	Hàm lượng tro không tan trong axit HCl 10%	g/100g	0,01	TCVN 4071:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.  
 2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.  
 4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).  
 5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận VImcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).  
 6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV141610591/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
5	Đường tổng số	g/100g	39,54	TCVN 4074: 2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
6	Chất đạm	g/100g	17,35	TCVN 10034:2013	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
7	Carbohydrate	g/100g	53,81	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
8	Chất béo *	g/100g	26,25	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
9	Hàm lượng ẩm	g/100g	1,17	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
10	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 <sup>(2)</sup>
11	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 <sup>(2)</sup>
12	Ochratoxin A (OTA)*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 <sup>(2)</sup>
13	Deoxynivalenol (DON)*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	500 <sup>(2)</sup>
14	Zearalenone (ZEN)*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	50 <sup>(2)</sup>
15	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,1 <sup>(3)</sup>
16	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(3)</sup>
17	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 <sup>(4)</sup>
18	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
19	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	1,3 x 10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4(4)</sup>
20	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 <sup>2(4)</sup>
21	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 <sup>4(4)</sup>
22	Escherichia coli*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 <sup>(4)</sup>
23	Staphylococci dương tính với coagulase*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 <sup>4(4)</sup>

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.  
 2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.  
 4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).  
 5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).  
 6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV141610591/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
24	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 <sup>(4)</sup>
25	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 <sup>(4)</sup>

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (3): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (4): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định



**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR

**THS. TRỊNH CÔNG SƠN**



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.  
 2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.  
 4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).  
 5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).  
 6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.